

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 489 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 07 tháng 3 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua  
và chia Cùm, Khởi thi đua trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005 và năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 11/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng;

Thực hiện Hướng dẫn số 1479/HD-BTĐKT ngày 25/7/2016 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hướng dẫn tổ chức cùm, khởi thi đua của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, Cờ thi đua cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ tại Tờ trình số 125/TTr-BTĐKT ngày 20/02/2017 về việc đề nghị ký ban hành Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua và chia Cùm, Khởi thi đua trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua và chia Cùm, Khối thi đua trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**Điều 2.** Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) có nhiệm vụ tổ chức triển khai, hướng dẫn và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 10/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy định về hoạt động và bình xét thi đua của Cùm, Khối thi đua thuộc tỉnh và Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hoạt động và bình xét thi đua của Cùm, Khối thi đua thuộc tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 10/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh. Các đơn vị

Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo thực hiện từ năm học 2017-2018. Đối với những đơn vị thuộc Cùm, Khối thi đua của tỉnh đã ký kết giao ước thi đua năm 2016 thì thực hiện các thủ tục khen thưởng theo quy định tại Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 10/4/2015 và Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 14/3/2016. /.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban TĐKT Trung ương (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh);
- TT.Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (Ban TĐ - KT) (10 bộ);
- LĐVP, P. VHXH;
- Lưu: VT, vttkieu.

CHỦ TỊCH



Phạm Vũ Hồng

**QUY ĐỊNH**

**Về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua  
và chia Cùm, Khôi thi đua trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 489/QĐ-UBND, ngày 07/3/2017  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục đích, yêu cầu**

1. Việc quy định về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua và chia Cùm, Khôi thi đua của tỉnh nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua và hoạt động Cùm, Khôi thi đua theo tinh thần Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng (TĐKT). Qua đó, biểu dương, khen thưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố, doanh nghiệp, hợp tác xã và các địa phương, đơn vị trực thuộc (sau đây gọi chung là cơ quan, địa phương, đơn vị) thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

2. Thông qua việc phân chia Cùm, Khôi thi đua nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cơ quan, địa phương, đơn vị trong công tác chỉ đạo, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước; làm cơ sở cho việc đánh giá, bình xét các đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong các phong trào thi đua.

3. Việc xét thi đua và khen thưởng phải dựa trên tiêu chí cụ thể, đảm bảo đúng nguyên tắc theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành. Khen thưởng phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng thành tích và kịp thời; để thi đua và khen thưởng thực sự là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đảm bảo quốc phòng - an ninh và xây dựng con người mới.

**Điều 2. Phạm vi áp dụng**

Quy định về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua và chia Cùm, Khôi thi đua được áp dụng đối với các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh

và Chủ tịch UBND tỉnh cho các cơ quan, địa phương, đơn vị tại các Cụm, Khối thi đua của Quy định này.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG, TRÁCH NHIỆM VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA CỤM, KHỐI THI ĐUA**

#### **Điều 3. Tổ chức hoạt động**

1. Điều hành hoạt động của Cụm, Khối thi đua (sau đây gọi chung là Cụm, Khối) có Cụm trưởng, Khối trưởng; Cụm phó, Khối phó và Tổ giúp việc.

2. Cụm trưởng, Khối trưởng và Cụm phó, Khối phó do các thành viên trong Cụm, Khối bầu chọn tại Hội nghị tổng kết hàng năm và hoạt động luân phiên. Đơn vị được bầu làm Cụm trưởng, Khối trưởng được sử dụng con dấu của đơn vị mình để quan hệ công tác và thực hiện nhiệm vụ của Cụm, Khối.

3. Tổ giúp việc cho Cụm trưởng, Khối trưởng là cán bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị Cụm trưởng, Khối trưởng và Cụm phó, Khối phó.

#### **Điều 4. Trách nhiệm**

##### **1. Cụm trưởng, Khối trưởng**

1.1. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng TĐKT tỉnh về các hoạt động của Cụm, Khối. Chủ trì tổ chức các phong trào thi đua thực hiện tốt các chỉ tiêu thi đua đã đăng ký đầu năm và công tác khen thưởng của Cụm, Khối.

1.2. Xây dựng quy chế, chương trình, kế hoạch hoạt động; các nội dung, tiêu chí, thang bảng điểm phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động của các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối để làm cơ sở tổ chức hoạt động và bình xét thi đua theo quy định.

1.3. Chuẩn bị nội dung và chủ trì tổ chức các cuộc họp sơ kết, tổng kết và ký kết giao ước thi đua của Cụm, Khối (Cụm thi đua các huyện, thị xã, thành phố và Khối thi đua các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và doanh nghiệp mời thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh phụ trách Cụm, Khối tham dự; Cụm, Khối thi đua khác mời thành viên Hội đồng TĐKT cấp trên trực tiếp được phân công phụ trách tham dự).

1.4. Tổ chức rà soát, chấm điểm thi đua cho các thành viên trong Cụm, Khối; tổng hợp báo cáo kết quả thi đua, đề nghị khen thưởng của Cụm, Khối theo định kỳ 06 tháng và cả năm gửi về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ).

##### **2. Cụm phó, Khối phó**

2.1. Phối hợp với Cụm trưởng, Khối trưởng tham gia xây dựng quy chế, chương trình, kế hoạch hoạt động của Cụm, Khối và bình xét thi đua. Thay mặt Cụm trưởng, Khối trưởng giải quyết những công việc khi được Cụm trưởng, Khối trưởng ủy quyền.

2.2. Giúp Cụm trưởng, Khối trưởng chuẩn bị các nội dung tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết và ký giao ước thi đua của Cụm, Khối.

### 3. Tổ giúp việc

3.1. Tham mưu, giúp việc cho Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó triển khai các yêu cầu của Hội đồng TĐKT tỉnh và hướng dẫn của Ban TĐKT.

3.2. Tham mưu tổ chức phát động phong trào thi đua và ký giao ước thi đua. Theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các giao ước thi đua, các nội dung, tiêu chí thi đua và công tác khen thưởng của Cụm, Khối.

3.3. Chuẩn bị các nội dung và điều kiện tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết và ký kết giao ước thi đua hàng năm của Cụm, Khối. Tổng hợp chấm điểm thi đua của các đơn vị thành viên và tham mưu đề nghị khen thưởng theo quy định.

### 4. Các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối

4.1. Căn cứ chỉ tiêu, kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, kế hoạch phát động phong trào thi đua hàng năm của UBND tỉnh hoặc nghị quyết của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã) hoặc do cấp có thẩm quyền giao để xây dựng kế hoạch, nội dung, tiêu chí, thang điểm và tổ chức phát động, ký giao ước thi đua của Cụm, Khối nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

4.2. Đối với các đơn vị trực thuộc căn cứ chương trình, kế hoạch của đơn vị cấp trên trực tiếp giao để xây dựng nội dung, tiêu chí thi đua và tổ chức phát động thi đua sát với tình hình thực tế nhằm hoàn thành tốt chỉ tiêu, kế hoạch và nhiệm vụ được giao.

4.3. Triển khai thực hiện các nội dung đã đăng ký giao ước thi đua. Tham gia đầy đủ các cuộc họp do Cụm trưởng, Khối trưởng tổ chức. Tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện phong trào thi đua và giao ước thi đua 6 tháng đầu năm và cả năm. Tự chấm điểm các nội dung thi đua gửi về Cụm, Khối để phục vụ cho công tác sơ, tổng kết và đề nghị khen thưởng theo quy định.

## **Điều 5. Chế độ làm việc**

1. Để nắm bắt kịp thời thông tin 06 tháng và cả năm, các thành viên trong Cụm, Khối báo cáo kết quả thực hiện các phong trào thi đua, thực hiện nhiệm vụ được giao, phát triển kinh tế - xã hội và các chỉ tiêu thi đua đã ký kết 06 tháng, năm cho Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó (thời gian cụ thể gửi báo cáo do Cụm, Khối thống nhất ghi trong quy chế) để Cụm, Khối tổng hợp báo cáo UBND tỉnh qua Ban TĐKT hoặc báo cáo cấp được ủy quyền quản lý (Cụm, Khối do sở, ngành, UBND cấp huyện quản lý, hướng dẫn), thời gian gửi báo cáo sơ kết 06 tháng trước ngày 30/7, báo cáo tổng kết gửi trước ngày 30/01 năm sau; ngành Giáo dục và Đào tạo báo cáo sơ kết gửi trước ngày 30/01, báo cáo tổng kết gửi trước ngày 15/7 hàng năm.

2. Cụm trưởng, Khối trưởng phối hợp với Cụm phó, Khối phó tổng hợp tình hình thực hiện các phong trào thi đua, các chỉ tiêu thi đua đã ký kết, tổ chức hội nghị sơ kết tại đơn vị Cụm phó, Khối phó; tổ chức hội nghị tổng kết và ký giao ước thi đua tại đơn vị Cụm trưởng, Khối trưởng (thời gian sơ kết vào tháng 7, tổng kết vào tháng 01 năm sau; ngành Giáo dục và Đào tạo sơ kết vào tháng 01, tổng kết vào tháng 6 hàng năm).

## **Điều 6. Hoạt động của Cụm, Khối thi đua**

1. Tổ chức sơ kết 6 tháng đầu năm: Do Cụm phó, Khối phó chủ trì.

### **1.1. Thành phần:**

Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh (hoặc Hội đồng TĐKT cấp trên trực tiếp) phụ trách Cụm, Khối; đại diện lãnh đạo và chuyên viên Ban TĐKT tỉnh (hoặc tổ chức, cá nhân phụ trách công tác TĐKT cấp trên trực tiếp) theo dõi Cụm, Khối; Người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị chủ trì hội nghị; đại diện lãnh đạo và cá nhân làm công tác TĐKT của các đơn vị thành viên Cụm, Khối thi đua.

### **1.2. Nội dung:**

- Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu thi đua đã đăng ký đầu năm và bàn biện pháp triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm của Cụm, Khối thi đua;
- Trao đổi nghiệp vụ công tác TĐKT;
- Giao lưu, gặp gỡ, học tập các điển hình tiên tiến.

1.3. Thời gian hoàn thành trong tháng 7 hàng năm (ngành Giáo dục và Đào tạo hoàn thành trong tháng 01 hàng năm).

2. Tổ chức tổng kết hoạt động của Cụm, Khối thi đua năm và bình xét xếp hạng thi đua: Do Cụm trưởng, Khối trưởng chủ trì.

2.1. Thành phần: Như hợp sơ kết 6 tháng.

2.2. Nội dung:

- Đánh giá kết quả hoạt động của Cụm, Khối thi đua trong năm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp đẩy mạnh hoạt động Cụm, Khối năm tới;

- Phổ biến mô hình mới, điển hình tiên tiến, cách làm hay; giao lưu, trao đổi kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện công tác TĐKT;

- Bình chọn, suy tôn xếp hạng và đề nghị tặng “Cờ thi đua” của UBND tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Bầu, ra mắt Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó mới;

- Ký kết giao ước thi đua.

2.3. Thời gian hoàn thành chậm nhất đến cuối tháng 01 năm sau (ngành Giáo dục và Đào tạo hoàn thành chậm nhất cuối tháng 6 hàng năm).

3. Trong năm, căn cứ tình hình thực tiễn, các Cụm, Khối thi đua tổ chức các hoạt động giao lưu, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm hoặc tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung giao ước thi đua đã ký tại đơn vị thành viên để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo sơ kết 6 tháng và tổng kết năm với Hội đồng TĐKT tỉnh (qua Ban TĐKT, Sở Nội vụ).

### **Chương III**

#### **NỘI DUNG TIÊU CHÍ THI ĐUA**

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định các nội dung, tiêu chí, thang điểm thi đua chủ yếu; các Cụm, Khối căn cứ quy định của UBND tỉnh và tình hình thực tế sát với đặc điểm, nhiệm vụ của các thành viên Cụm, Khối để xây dựng nội dung, tiêu chí, thang bảng điểm thi đua cho phù hợp. Nội dung, tiêu chí thi đua phải được lượng hóa thành điểm cụ thể để làm cơ sở chấm điểm, xếp hạng thi đua và đề nghị khen thưởng.

Tổng số điểm thi đua là 1.000 điểm. Trong đó: Điểm thực hiện cho 03 nội dung thi đua là 950 điểm, gồm nội dung 1 là 650 điểm, nội dung 2 là 200 điểm, nội dung 3 là 100 điểm; điểm thưởng là 50 điểm.

#### **Điều 7. Nội dung và tiêu chí thi đua chủ yếu**

**1. Nội dung 1.** Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao. Điểm chuẩn là 650 điểm, điểm thưởng 40 điểm.

1.1. Đối với Cụm thi đua các huyện, thị xã, thành phố:

a) Thi đua phát triển kinh tế - xã hội và cải cách hành chính, điểm chuẩn 450 điểm, điểm thưởng 40 điểm.

Số TT	Nội dung thi đua	Đơn vị tính	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện			Điểm đạt
				Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
1	Tổng thu ngân sách địa phương so chỉ tiêu cấp có thẩm quyền giao.	%	40				
2	Thực hiện hoàn thành các công trình XDCB so chỉ tiêu kế hoạch giao	Số CT	35				
3	Tỷ lệ trường học (MN, TH, THCS) đạt chuẩn quốc gia so kế hoạch	%	25				
4	Giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học và THCS so kế hoạch	%	25				
5	Tạo việc làm cho lao động so kế hoạch	1.000 người	25				
6	Giảm tỷ lệ hộ nghèo so kế hoạch	%	30				
7	Đạt kế hoạch về xây dựng xã nông thôn mới (đạt thêm tiêu chí nông thôn mới/xã so kế hoạch)	xã	30				
8	Giảm tỷ lệ sinh (ước cả năm)	‰	30				
9	Số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế so kế hoạch	%	30				
10	Tỷ lệ ấp, khu phố được công nhận danh hiệu văn hóa so kế hoạch	%	30				
11	Vận động Quỹ vì người nghèo so kế hoạch	Triệu đồng	30				
12	Quỹ đền ơn đáp nghĩa: - Vận động so kế hoạch - Cát, sửa nhà tình nghĩa so kế hoạch	Triệu đồng Căn	30				
13	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế so kế hoạch	%	30				



14	Thực hiện công tác cải cách hành chính (kết quả xếp hạng của UBND tỉnh)	Hạng	30				
15	Chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ về Tỉnh uỷ, UBND tỉnh theo quy định (Văn phòng Tỉnh uỷ; Văn phòng UBND tỉnh thông báo)		30				

b) Thi đua thực hiện công tác quốc phòng - an ninh và an toàn giao thông, điểm chuẩn 200 điểm.

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện			Điểm đạt
			Giảm	Bằng	Tăng	
1	Công tác an ninh trật tự: - Giảm số vụ phạm pháp hình sự so năm trước; - Tăng số xã, phường, thị trấn lành mạnh, không có tệ nạn xã hội về mại dâm, ma túy so năm trước.	30				
2	An toàn giao thông (Năm trước không để xảy ra vụ nào, năm tiếp theo giữ vững thì đạt điểm chuẩn): - Giảm số vụ tai nạn giao thông (TNGT) so năm trước. - Giảm số người chết TNGT so năm trước. - Giảm số người bị thương TNGT so năm trước	30				
		<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Kế hoạch</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Điểm đạt</b>
3	Công tác quốc phòng: - Hoàn thành chỉ tiêu công tác tuyên truyền so kế hoạch được giao; - Công tác giáo dục kiến thức quốc phòng so với kế hoạch được giao; - Huấn luyện quân sự so kế hoạch được giao.	30				
4	Tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt 85% trở lên	30				
5	Trên địa bàn không xảy ra tham nhũng,	30				

	lãng phí.					
6	Quản lý đất đai, không để xảy ra tranh chấp kéo dài	25				
7	Quản lý, bảo vệ môi trường (không để xảy ra ô nhiễm môi trường do thiếu trách nhiệm quản lý)	25				

1.2. Đối với Cụm thi đua các xã, phường, thị trấn:

a) Thi đua phát triển kinh tế - xã hội và cải cách hành chính, điểm chuẩn 450 điểm, điểm thưởng 40 điểm.

Số TT	Nội dung thi đua	Đơn vị tính	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện			Điểm đạt
				Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
1	Thu ngân sách so kế hoạch được giao	Tỷ đồng	40				
2	Chi ngân sách so kế hoạch giao	Tỷ đồng	40				
3	Hoàn thành công trình nâng cấp hẻm (phường, thị trấn) hoặc giao thông nông thôn (xã) so kế hoạch	Công trình	30				
4	Giảm số trẻ em bậc tiểu học, THCS trên địa bàn bỏ học so kế hoạch	Trẻ em	30				
5	Xây dựng và sửa chữa nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết so kế hoạch	Số công trình	30				
6	Giảm số hộ nghèo so kế hoạch	%	30				
7	Hoàn thành số tiêu chí nông thôn mới so kế hoạch (đối với xã) hoặc nâng chất lượng tiêu chí (đối với xã đã đạt NTM) hoặc tiêu chí đô thị văn minh (đối với phường, thị trấn)	%	40				
8	Tạo việc làm cho lao động so kế hoạch	Người	30				
9	Tỷ lệ ấp, khu phố đạt chuẩn văn hóa so kế hoạch	%	30				
10	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa so kế hoạch	%	30				
11	Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng so kế hoạch	%	30				
12	Tỷ lệ dân số tham gia Bảo hiểm y tế so kế hoạch.	%	30				

13	Hoàn thành công tác cải cách hành chính hàng năm (theo xếp hạng của UBND cấp huyện)	%	30				
14	Chấp hành đầy đủ chế độ hội họp và thông tin báo cáo (Văn phòng huyện, thị, thành ủy và Văn phòng UBND thông báo)		30				

b) Thi đua thực hiện công tác quốc phòng - an ninh và an toàn giao thông, điểm chuẩn 200 điểm.

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện			Điểm đạt
			Giảm	Bằng	Tăng	
1	Giảm số vụ phạm pháp hình sự so năm trước	40				
2	An toàn giao thông (năm trước không để xảy ra vụ nào, năm tiếp theo giữ vững thì đạt điểm chuẩn): - Giảm số vụ TNGT so năm trước. - Giảm số người chết TNGT so năm trước. - Giảm số người bị thương TNGT so năm trước	45				
		<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Kế hoạch</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Điểm đạt</b>
3	- Tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt 85% trở lên; - Tỷ lệ hòa giải thành so kế hoạch.	30				
4	Công tác quốc phòng: - Hoàn thành chỉ tiêu công tác tuyển quân so kế hoạch; - Công tác giáo dục kiến thức quốc phòng so với kế hoạch; - Huấn luyện quân sự so kế hoạch được giao.	30				
5	Trên địa bàn không xảy ra tham nhũng, lãng phí.	30				
6	Quản lý đất đai, không để xảy ra tranh chấp kéo dài	25				

1.3. Đối với Khối thi đua các sở, ban, ngành, đảng, đoàn thể, hội quần chúng, lực lượng vũ trang cấp tỉnh. Điểm chuẩn là 650 điểm, điểm thưởng 40 điểm.

a) Đối với sở, ngành thuộc khối nhà nước cấp tỉnh.

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ (Có ít nhất 5 chỉ tiêu định lượng)	350		
2	Tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực sở, ngành phụ trách hoặc nghiên cứu tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án hoặc văn bản chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm hoặc ban hành văn bản hướng dẫn quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực phụ trách	50		
3	Cải cách hành chính (kết quả xếp hạng cải cách hành chính của UBND tỉnh)	100		
4	Tổ chức hiệu quả trong quản lý Nhà nước đối với đơn vị.	50		
5	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí	50		
6	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền	50		

b) Đối với các ban Đảng, Đảng ủy và đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy:

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị của cơ quan (Có ít nhất 5 chỉ tiêu định lượng).	350		
2	Nghiên cứu tham mưu Tỉnh ủy chủ trương, giải pháp, đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015- 2020 và hằng năm theo chức năng nhiệm vụ hoặc xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện theo ngành, lĩnh	100		

	vực.			
3	Thực hiện cải cách hành chính theo chức năng nhiệm vụ	50		
4	Chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành hiệu quả Quy chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội gắn với thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí	50		
5	Chấp hành tốt chế độ hội họp, thông tin, báo cáo với Tỉnh ủy (Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết quả)	50		
6	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	50		

c) Đối với Mặt trận Tổ quốc và các hội, đoàn thể cấp tỉnh

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị của cơ quan (ít nhất có 5 chỉ tiêu định lượng).	350		
2	Công tác nghiên cứu, tham mưu cho Tỉnh ủy; phối hợp, góp ý HĐND, UBND tỉnh các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh... hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh; tham gia công tác cải cách hành chính và công nghệ thông tin của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ.	50		
3	Triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của ngành dọc cấp trên; Đổi mới trong công tác tổ chức, tuyên truyền; vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tham gia tích cực vào việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh.	50		
4	Chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành hiệu	100		

	quả Quy chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội gắn với thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí			
5	Chấp hành tốt chế độ hội họp, thông tin, báo cáo với Tỉnh ủy (Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết quả).	50		
6	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	50		

1.4. Đối với Khối thi đua các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cơ quan ngành dọc trung ương (hành chính, tư pháp) đóng trên địa bàn tỉnh và UBND cấp huyện.

Thi đua hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao. Điểm chuẩn là 650 điểm, điểm thưởng 40 điểm.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn và tương đương, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và UBND cấp huyện để giao thực hiện theo định hướng sau:

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ được cấp trên trực tiếp của phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc giao (Có ít nhất 5 chỉ tiêu định lượng)	350		
2	Tham mưu xây dựng văn bản chỉ đạo, điều hành lĩnh vực sở, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội phụ trách và UBND cấp huyện quản lý hoặc nghiên cứu tham mưu xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án hoặc văn bản chỉ đạo phát triển kinh tế, xã hội hàng năm, 5 năm hoặc tham mưu ban hành văn bản hướng dẫn quản lý Nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ... theo ngành, lĩnh vực phụ trách	100		
3	Thực hiện nội dung cải cách hành chính theo chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc; ứng dụng công nghệ thông tin hoặc	100		

	tham gia tuyên truyền thực hiện cải cách hành chính.			
4	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí	50		
5	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền	50		

1.5. Đối với Khối thi đua các doanh nghiệp, ngân hàng và Quỹ tín dụng nhân dân. Điểm chuẩn là 650 điểm, điểm thưởng 40 điểm.

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện			Điểm đạt
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
1	Tốc độ tăng trưởng (hoặc tốc độ tăng trưởng nguồn vốn) so kế hoạch	90				
2	Doanh thu so kế hoạch	90				
3	Lợi nhuận sau thuế so kế hoạch	80				
4	Nộp thuế so với chỉ tiêu	80				
5	Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với người lao động (BHXH, BHYT, BHTN...)	80				
6	Đảm bảo vệ sinh, môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh	80				
7	Thực hiện công tác xã hội theo đăng ký	70				
		<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tăng</b>	<b>Bằng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Điểm đạt</b>
8	Thu nhập bình quân CBCNV, người lao động so năm trước liền kề	80				

1.6. Đối với Khối thi đua các Hợp tác xã. Điểm chuẩn là 650 điểm, điểm thưởng 40 điểm.

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện			Điểm đạt
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
1	Tốc độ tăng trưởng so kế hoạch	90				
2	Doanh thu so kế hoạch	90				
3	Lợi nhuận sau thuế so kế hoạch	80				
4	Nộp thuế so với chỉ tiêu (trừ HTX nông nghiệp và HTX giao thông vận tải)	80				
5	Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với thành viên,	80				

	người lao động (BHXH, BHYT...)					
6	Đảm bảo phát triển bền vững, bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh	80				
7	Thực hiện công tác xã hội	70				
		<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tăng</b>	<b>Bằng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Điểm đạt</b>
8	Thu nhập bình quân của thành viên so năm trước liền kề	80				

1.7. Đối với Khối thi đua các đơn vị thuộc ngành Y tế. Điểm chuẩn là 650 điểm, điểm thưởng 40 điểm.

Số TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ (có ít nhất 5 chỉ tiêu định lượng theo hướng dẫn của Sở Y tế).	400		
2	Thực hiện công tác cải cách hành chính.	100		
3	Công tác thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.	50		
4	Đảm bảo an ninh trật tự; an toàn giao thông tại đơn vị.	50		
5	Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, xử lý chất thải y tế; tham gia công tác xã hội.	50		

1.8. Đối với Khối thi đua các đơn vị thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo. Điểm chuẩn là 650 điểm, điểm thưởng 40 điểm.

Số TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị (Có ít nhất 5 chỉ tiêu định lượng theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND cấp huyện)	400		
2	Thực hiện công tác cải cách hành chính	50		
3	Công tác thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí	50		
4	Đảm bảo an ninh trật tự; an toàn giao thông	100		
5	Tham gia công tác xã hội, bảo vệ môi trường	50		

1.9. Đối với cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Điểm chuẩn là 650 điểm, điểm thưởng 40 điểm.



Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ (có ít nhất 5 chỉ tiêu định lượng) được giao	400		
2	Thực hiện cải cách hành chính	100		
3	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí	50		
4	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội	50		
5	Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền	50		

**2. Nội dung 2:** Thi đua thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và xây dựng hệ thống chính trị. Điểm chuẩn 200 điểm.

2.1. Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (80 điểm).

2.2. Triển khai thực hiện quy chế dân chủ cơ sở (40 điểm).

2.3. Tổ chức đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” (40 điểm).

2.4. Xây dựng tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh (Khối thi đua có đơn vị không có tổ chức đảng, đoàn thể hoặc không có đủ tổ chức đảng, đoàn thể thì Khối sẽ thống nhất với các thành viên việc bố trí điểm hoặc điều chuyển điểm tiêu chí này vào tiêu chí khác trong nội dung này đảm bảo hợp lý và được ghi rõ trong quy chế hoạt động của Khối thi đua) (40 điểm).

**3. Nội dung 3:** Thi đua thực hiện các nhiệm vụ công tác TĐKT. Điểm chuẩn 100 điểm.

3.1. Xây dựng, ban hành các văn bản để chỉ đạo, thực hiện công tác TĐKT (15 điểm)

3.1.1. Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của Hội đồng TĐKT tỉnh về công tác TĐKT (7 điểm).

3.1.2. Có văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ (đối với cấp huyện, cấp xã), thủ trưởng cơ quan, địa phương, đơn vị về công tác TĐKT (8 điểm).

3.2. Tổ chức triển khai thực hiện phong trào thi đua (20 điểm)

3.2.1. Có kế hoạch triển khai thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do tỉnh phát động (UBND tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương (đối với sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh); Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh (đối với địa phương, đơn vị) (5 điểm).

3.2.2. Có xây dựng kế hoạch, hướng dẫn theo thẩm quyền phù hợp chức năng, nhiệm vụ và thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2016-2020 của tỉnh (3 điểm).

3.2.3. Phát động, triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua thường xuyên, theo đợt, chuyên đề theo thẩm quyền (có kế hoạch, chủ đề, nội dung, tiêu chí cụ thể, tổ chức phát động, ký giao ước thi đua) (7 điểm).

3.2.4. Có sơ kết, tổng kết đánh giá hiệu quả phong trào thi đua (5 điểm).

3.3. Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến (15 điểm).

3.3.1. Có văn bản chỉ đạo, định hướng và hướng dẫn việc phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến (xây dựng kế hoạch và trong năm phát hiện được mô hình, điển hình mới được biểu dương, tuyên truyền) (7,5 điểm).

3.3.2. Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền về TĐKT (phối hợp cơ quan thông tin - truyền thông, các đoàn thể tuyên truyền phong trào thi đua và các gương điển hình) (7,5 điểm).

3.4. Thực hiện công tác khen thưởng (15 điểm)

3.4.1. Công tác xét khen thưởng theo thẩm quyền và thẩm định hồ sơ và đề nghị khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước đúng quy định pháp luật (5 điểm).

3.4.2. Khen thưởng cho người trực tiếp lao động, công tác (theo thẩm quyền đạt từ 55% trở lên) (3 điểm)

3.4.3. Khen thưởng cho người trực tiếp lao động, công tác (được cấp tỉnh khen đạt từ 55% trở lên) (3 điểm).

3.4.4. Có triển khai và thực hiện thường xuyên việc phát hiện khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng (chủ động khen) (4 điểm).

3.5. Công tác kiểm tra về TĐKT (10 điểm)

3.5.1. Có kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch tự kiểm tra, kiểm tra, giám sát về công tác TĐKT của cơ quan, địa phương, đơn vị (7 điểm).

3.5.2. Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng quy định và gửi kết quả về Ban TĐKT, Sở Nội vụ (3 điểm).

3.6. Tổ chức bộ máy làm công tác TĐKT và công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ (15 điểm).

3.6.1. Hội đồng TĐKT được thành lập đúng quy định và kịp thời kiện toàn (nếu có); có quy chế hoạt động và được bổ sung, sửa đổi (nếu có) (4 điểm).

3.6.2. Hội đồng Sáng kiến cơ sở thành lập đúng quy định và kịp thời kiện toàn (nếu có); có quy chế hoạt động và được bổ sung, sửa đổi (nếu có) (4 điểm).

3.6.3. Bố trí đủ cán bộ làm công tác TĐKT theo quy định (đối với cấp huyện có cán bộ chuyên trách làm công tác TĐKT; có cán bộ bán chuyên trách cấp xã) (3 điểm).

3.6.4. Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ (trực tiếp và hình thức khác) (4 điểm).

3.7. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo (10 điểm).

3.7.1. Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn theo quy định (5 điểm).

3.7.2. Nộp hồ sơ khen thưởng kịp thời (khen cấp tỉnh theo lịch thông báo của Ban TĐKT), đủ thành phần hồ sơ, đúng thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định (5 điểm).

\* **Ghi chú:** Đối với Khối thi đua có các đơn vị không có chức năng, thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều này thì không đưa vào thực hiện, điểm các tiêu chí thành phần đưa vào các tiêu chí khác trong nội dung này.

## **Chương IV** **NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM** **VÀ BÌNH XÉT THI ĐUA**

### **Điều 8. Nguyên tắc chấm điểm**

1. Việc chấm điểm, xếp hạng thi đua phải dựa vào kết quả và số liệu cụ thể về thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ được giao trong năm, chống mọi biểu hiện che dấu khuyết điểm, chạy theo thành tích.

2. Chấm điểm, xếp hạng thi đua và đề nghị khen thưởng nhằm tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua, trao đổi học tập kinh nghiệm lẫn nhau, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ; đảm bảo tính nghiêm túc, chặt chẽ và được 2/3 thành viên trong Cụm, Khối nhất trí.

### **Điều 9. Phương pháp chấm điểm**

1. Điểm của các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối là điểm tự chấm cho cả 03 nội dung thi đua 1, 2, 3 quy định tại Điều 7; sau đó Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó tổng hợp, rà soát (đối chiếu với cơ quan quản lý cấp trên), trao đổi thống nhất điểm đạt với các thành viên trong Cụm, Khối.

2. Đối với Nội dung 3, thi đua thực hiện nhiệm vụ công tác TĐKT, Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng TĐKT các sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện được UBND tỉnh ủy quyền quản lý, hướng dẫn hoạt động Cụm,



Khởi thi đua có trách nhiệm theo dõi, thẩm định, đánh giá, thông báo điểm đạt để các Cụm, Khối kết hợp với điểm do Cụm, Khối chấm để tính điểm theo phương pháp trung bình cộng (điểm đạt bằng điểm của Thường trực Hội đồng TĐKT cấp trên trực tiếp chấm cộng với điểm của Cụm, Khối chấm chia 2)

3. Tổng số điểm đạt được của các thành viên trong Cụm, Khối thi đua là kết quả điểm đã được rà soát, trao đổi thống nhất của Cụm trưởng, Khối trưởng đối với các đơn vị thành viên và điểm trung bình cộng nêu tại Khoản 2 Điều này (bao gồm điểm thực hiện tại Khoản 4 Điều này).

#### 4. Điểm thưởng, điểm trừ

##### 4.1. Điểm thưởng:

- Thưởng cho các tiêu chí định lượng của Nội dung 1 theo nguyên tắc: Cứ vượt 1% kế hoạch thì được thưởng 1% điểm chuẩn của tiêu chí đó, nhưng không vượt quá 10% điểm chuẩn và không vượt quá 40 điểm thưởng.

- Thưởng 05 điểm cho các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối thi đua thực hiện tốt việc khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng cho người trực tiếp lao động, công tác (trừ phó trưởng phòng và tương đương trở lên) đạt tỉ lệ 60% trở lên (cách tính tỷ lệ: Trong tổng số cá nhân được cấp có thẩm quyền khen thưởng trong năm gồm khen thưởng thường xuyên, chuyên đề, đột xuất phải có 60% cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác).

- Thưởng 05 điểm cho các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối thi đua thực hiện có hiệu quả công tác phát hiện, bồi dưỡng, nhân điển hình tiên tiến hoặc nhân tố xuất sắc và đề nghị khen thưởng kịp thời cho nhân tố xuất sắc, điển hình tiên tiến.

##### 4.2. Điểm trừ:

- Trừ 10 điểm đối với những cơ quan, địa phương, đơn vị đảm nhiệm Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó mà năm đó chưa ban hành được Quy chế hoạt động của Cụm, Khối thi đua hoặc điều hành kém hiệu quả để xảy ra mất đoàn kết trong Cụm, Khối.

- Trừ 05 điểm đối với các đơn vị không cử lãnh đạo đơn vị tham dự cuộc họp sơ kết hoặc tổng kết hoạt động Cụm, Khối trong năm.

- Trừ 0,5 điểm mỗi hồ sơ trả về (trừ tối đa 15 điểm) đối với các hình thức khen thưởng cấp tỉnh do không thực hiện đúng quy định.

- Trừ 10 điểm đối với các đơn vị có cá nhân lãnh đạo chủ chốt (Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố, xã,

phường, thị trấn; Giám đốc, Phó Giám đốc các sở, ban, ngành và Trưởng, Phó các ban Đảng, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch (Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên) Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng doanh nghiệp, HTX, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức...) bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách; không xếp hạng nhất, nhì, ba Cụm, Khối trong trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên và trừ 20 điểm.

- Việc trừ điểm được thực hiện trong tổng số điểm sau khi chấm.

## **Điều 10. Cơ cấu, số lượng khen thưởng, mức tiền thưởng**

### **1. Cơ cấu khen thưởng**

- Các đơn vị thành viên Cụm, Khối thi đua được suy tôn hạng nhất trong Cụm, Khối thi đua và phải đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua cấp tỉnh quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng thì đề nghị UBND tỉnh tặng Cờ thi đua đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của năm; đơn vị xếp hạng nhì và ba đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen (trường hợp Cụm, Khối đề nghị nhưng khi thẩm định, Ban TĐKT tỉnh phát hiện đơn vị dẫn đầu không đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua theo quy định thì sẽ để lại).

- Trong số những đơn vị đủ tiêu chuẩn được đề nghị tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh, Hội đồng TĐKT tỉnh chọn ra các tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất (chia theo lĩnh vực, cấp chính quyền) và có đăng ký Cờ thi đua của Chính phủ từ đầu năm để bình xét đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ (trong năm, các đơn vị đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ sẽ không tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh).

Riêng các đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh do Bộ, ngành chủ quản bình xét trình Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh hiệp ý khi có đề nghị của Bộ, ngành Trung ương.

### **2. Số lượng khen thưởng**

2.1. Cụm, Khối thi đua có dưới 5 đơn vị: Chọn 01 nhất tặng Cờ.

2.2. Cụm, Khối thi đua có từ 5 đến 07 đơn vị: Chọn 01 nhất (tặng Cờ) và 01 nhì (tặng Bằng khen).

2.3. Cụm, Khối thi đua có từ 8 đến 10 đơn vị: Chọn 01 nhất (tặng Cờ), 01 nhì và 01 ba (tặng Bằng khen).

2.4. Cụm, Khối thi đua có từ 11 đến 15 đơn vị: Chọn 01 nhất (tặng Cờ), 01 nhì và 02 ba (tặng Bằng khen).

2.5. Cụm, Khối thi đua có từ 16 đơn vị trở lên: Chọn 01 nhất (tặng Cờ), 02 nhì và 02 ba (tặng Bằng khen).

### 3. Mức tiền thưởng

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành: Đơn vị hạng nhất (dẫn đầu) được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh và tiền thưởng theo quy định; đơn vị hạng nhì được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và tiền thưởng bằng 70% mức tiền thưởng của đơn vị hạng nhất; Đơn vị hạng ba được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và tiền thưởng bằng 40% tiền thưởng của đơn vị hạng nhất.

Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

### **Điều 11. Bình xét thi đua**

1. Bình xét thi đua hàng năm, trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị và hiệu quả thực hiện các phong trào thi đua ở các đơn vị thành viên; đồng thời căn cứ bảng tự chấm điểm của các đơn vị trong Cụm, Khối; Cụm trưởng, Khối trưởng và Cụm phó, Khối phó có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, nhận xét đánh giá và báo cáo trước Hội nghị tổng kết của Cụm, Khối.

2. Việc bình bầu, xếp loại thi đua do Cụm, Khối bình xét và suy tôn tại Hội nghị tổng kết hàng năm và được thực hiện theo nguyên tắc công khai, dân chủ, chính xác và công bằng. Có sự đồng thuận thống nhất suy tôn của các đơn vị thành viên tại Cụm, Khối.

Chỉ áp dụng hình thức bỏ phiếu kín trong các trường hợp sau: Khi có từ 02 đơn vị trở lên có tổng số điểm bằng nhau; khi các đơn vị trong cụm, khối không thống nhất kết quả xếp hạng hoặc không bình xét được đơn vị dẫn đầu.

3. Không xét thi đua và đề nghị khen thưởng đối với đơn vị thành viên Cụm, Khối không tham gia đăng ký và ký giao ước thi đua hàng năm; không gửi báo cáo sơ kết, tổng kết phong trào thi đua trong năm.

### **Điều 12. Hồ sơ và thời gian trình khen thưởng**

#### 1. Hồ sơ thủ tục

1.1. Tờ trình của Cụm trưởng, Khối trưởng;

1.2. Báo cáo thành tích thi đua của đơn vị;

1.3. Biên bản họp xét thi đua của Cụm, Khối thi đua (kèm Bảng tổng hợp chấm điểm của Cụm, Khối thi đua);

1.4. Đối với Cụm, Khối thi đua do các sở, ngành, UBND cấp huyện được

UBND tỉnh ủy quyền quản lý, hướng dẫn phải có thêm tờ trình và biên bản họp xét đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình.

1.5. Hồ sơ trình khen thưởng gồm 01 bộ bản chính nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nội vụ.

## 2. Thời gian trình khen

Trong thời gian tháng 12 của năm đến 30/01 năm sau; đối với ngành Giáo dục và Đào tạo trong thời gian từ 15/6 đến 30/7 hàng năm.

## Chương V

### QUI ĐỊNH CHIA CỤM, KHỐI THI ĐUA VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN ĐƯỢC ỦY QUYỀN QUẢN LÝ

#### Điều 13. Chia Cụm, Khối thi đua

Để đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước và nâng cao hiệu quả hoạt động Cụm, Khối thi đua của tỉnh; thực hiện Hướng dẫn số 1479/HD-BTĐKT, ngày 25/7/2016 của Ban TĐKT Trung ương về tổ chức Cụm, Khối thi đua của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tình hình, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các doanh nghiệp thuộc tỉnh, hợp tác xã và các tổ chức, đơn vị, địa phương trực thuộc trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chia Cụm, Khối thi đua như sau:

#### 1. Về Cụm thi đua:

1.1. Cụm thi đua các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có 15 đơn vị chia thành 03 Cụm thi đua, từ Cụm thi đua số 1 đến Cụm thi đua số 3.

1.2. Cụm thi đua xã, phường, thị trấn có 145 đơn vị chia thành 17 Cụm thi đua, từ Cụm thi đua số 1 đến Cụm thi đua số 17, cụ thể:

- Cụm thi đua các phường, xã thuộc thành phố Rạch Giá. Có 12 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

- Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện Tân Hiệp. Có 11 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

- Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện Giồng Riềng. Có 19 đơn vị được chia thành 02 cụm thi đua.

- Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện Châu Thành. Có 10 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

- Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện Gò Quao. Có 11 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

- Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện An Biên. Có 09 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

- Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện An Minh. Có 11 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

- Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện Vĩnh Thuận. Có 08 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

- Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện U Minh Thượng. Có 06 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

- Cụm thi đua các phường, xã thuộc thị xã Hà Tiên. Có 07 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

- Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện Giang Thành. Có 05 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

- Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện Kiên Lương. Có 08 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

- Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện Hòn Đất. Có 14 đơn vị được chia thành 02 cụm thi đua.

- Cụm thi đua các xã thuộc huyện Kiên Hải. Có 04 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

- Cụm thi đua các xã, thị trấn thuộc huyện Phú Quốc. Có 10 đơn vị được chia thành 01 cụm thi đua.

## 2. Về Khối thi đua:

2.1. Khối thi đua các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có 71 đơn vị chia thành 11 Khối thi đua, từ Khối thi đua 1 đến Khối thi đua 11.

2.2. Khối thi đua các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan).

- Cơ quan có dưới 15 phòng, ban và tương đương trực thuộc được thành lập 01 khối thi đua; từ 15 phòng, ban và tương đương trở lên thành lập 2 khối thi đua. Số lượng Khối thi đua và số lượng đơn vị trong từng Khối thi đua của mỗi cơ quan do Thủ trưởng cơ quan quyết định đảm bảo phù hợp và báo cáo Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh để quản lý và theo dõi thực hiện.



2.3. Khối thi đua các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có 10 đơn vị, chia thành 01 khối thi đua.

2.4. Khối thi đua các doanh nghiệp thuộc tỉnh, chia thành 10 Khối thi đua. Giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp các cơ quan liên quan hàng năm vận động các doanh nghiệp mới tham gia và thành lập thêm các Khối thi đua để hoạt động theo Quy định này và báo cáo UBND tỉnh.

2.5. Khối thi đua các Hợp tác xã (theo Luật Hợp tác xã) có 260 đơn vị, trước mắt chia thành 14 Khối thi đua, từ Khối thi đua 1 đến Khối thi đua 14 (02 Khối thi đua Quỹ tín dụng nhân dân và 12 Khối thi đua các HTX nông nghiệp thuộc huyện Châu Thành, Giồng Riềng, Tân Hiệp). Các năm tiếp theo vận động các HTX tham gia để trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thành lập thêm các Khối thi đua mới hoạt động theo Quy định này và báo cáo UBND tỉnh.

2.6. Khối thi đua các phòng, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội trực thuộc huyện, thị xã, thành phố chia thành 30 Khối thi đua (mỗi huyện, thị xã, thành phố thành lập 02 Khối thi đua: Khối thi đua các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện; Khối các ban, ngành, đơn vị thuộc huyện, thị, thành ủy). Số lượng đơn vị trong từng Khối thi đua của mỗi huyện, thị xã, thành phố do địa phương quyết định đảm bảo phù hợp và báo cáo Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh để quản lý và theo dõi thực hiện.

2.7. Khối thi đua ngành Giáo dục và Đào tạo bao gồm:

a) Khối thi đua các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp có 06 trường, chia thành 01 Khối thi đua.

b) Khối thi đua các trường THPT, Dân tộc nội trú và Trung tâm Giáo dục thường xuyên thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý có 71 đơn vị chia thành 06 Khối thi đua từ Khối thi đua 01 đến Khối thi đua 06, cụ thể:

- Khối thi đua các trường Trung học Phổ thông, có 51 đơn vị chia thành 04 khối; số lượng và đơn vị cụ thể của từng khối thi đua do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định đảm bảo phù hợp và báo cáo Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh để quản lý và theo dõi thực hiện.

- Khối thi đua các trường Phổ thông Dân tộc nội trú, có 06 đơn vị thành 01 khối;

- Khối thi đua các Trung tâm Giáo dục thường xuyên và đơn vị trực thuộc Sở, có 15 đơn vị thành 01 khối thi đua.



c) Khối thi đua các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, có 603 đơn vị chia thành 51 khối thi đua; số lượng và đơn vị cụ thể của từng khối thi đua do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đảm bảo phù hợp và báo cáo Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh để quản lý và theo dõi thực hiện.

- Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc thành phố Rạch Giá. Có 58 đơn vị được chia thành 05 khối thi đua, trong đó có 01 khối thi đua các trường mầm non, tiểu học ngoài công lập (Mầm non 02 khối, Tiểu học 02 khối, THCS 01 khối).

- Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Tân Hiệp. Có 57 đơn vị được chia thành 04 khối thi đua (Mầm non 01 khối, Tiểu học 02 khối, THCS 01 khối).

- Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Giồng Riềng. Có 82 đơn vị được chia thành 06 khối thi đua (Mầm non 01 khối, Tiểu học 04 khối, THCS 01 khối).

- Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Châu Thành. Có 48 đơn vị được chia thành 04 khối thi đua (Mầm non 01 khối, Tiểu học 02 khối, THCS 01 khối).

- Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Gò Quao. Có 45 đơn vị được chia thành 04 khối thi đua (Mầm non 01 khối, Tiểu học 02 khối, THCS 01 khối).

- Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện An Biên. Có 42 đơn vị được chia thành 04 khối thi đua (Mầm non 01 khối, Tiểu học 02 khối, THCS 01 khối).

- Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện An Minh. Có 51 đơn vị được chia thành 04 khối thi đua (Mầm non 01 khối, Tiểu học 02 khối, THCS 01 khối).

- Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Vĩnh Thuận. Có 33 đơn vị được chia thành 03 khối thi đua (Mầm non 01 khối, Tiểu học 01 khối, THCS 01 khối).

- Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện U Minh Thượng. Có 33 đơn vị được chia thành 03 khối thi đua (Mầm non 01 khối, Tiểu học 01 khối, THCS 01 khối).

- Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc thị xã Hà

Tiên. Có 19 đơn vị được chia thành 02 khối thi đua.

- Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Giang Thành. Có 15 đơn vị được chia thành 02 khối thi đua.

- Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Kiên Lương. Có 24 đơn vị được chia thành 03 khối thi đua (Mầm non 01 khối, Tiểu học 01 khối, THCS 01 khối).

- Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Hòn Đất. Có 59 đơn vị được chia thành 04 khối thi đua (Mầm non 01 khối, Tiểu học 02 khối, THCS 01 khối).

- Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Kiên Hải. Có 08 đơn vị chia thành 01 khối thi đua.

- Khối thi đua các trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) thuộc huyện Phú Quốc. Có 29 đơn vị được chia thành 03 khối thi đua (Mầm non 01 khối, Tiểu học 01 khối, THCS 01 khối).

2.8. Khối thi đua các bệnh viện, Trung tâm Y tế thuộc Sở Y tế quản lý có 39 đơn vị chia thành 04 Khối thi đua từ Khối thi đua 1 đến Khối thi đua 4, cụ thể:

- Khối các Bệnh viện tuyến tỉnh và bệnh viện loại II trực thuộc Sở Y tế, có 08 đơn vị thành 01 khối;

- Khối các bệnh viện loại III, có 07 đơn vị thành 01 khối.

- Khối các Trung tâm Y tế cấp huyện, có 15 đơn vị thành 01 khối;

- Khối các Trung tâm Y tế tuyến tỉnh, có 09 đơn vị thành 01 khối.

*(Kèm theo có Phụ lục danh sách chia Cụm, Khối thi đua)*

#### **Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan được ủy quyền quản lý Cụm, Khối thi đua**

1. Giao Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức chia Cụm thi đua các xã, phường, thị trấn trực thuộc; Khối thi đua các phòng, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; Khối thi đua các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trực thuộc; hướng dẫn tiêu chí thi đua cụ thể và theo dõi, chỉ đạo các cụm, Khối thi đua theo quy định của UBND tỉnh.

2. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chia các Khối thi đua các trường THPT, Dân tộc nội trú và Trung tâm Giáo dục thường xuyên; các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; quản lý, hướng dẫn tiêu chí thi đua cụ thể, theo dõi, chỉ đạo các Khối thi đua.



3. Giao Giám đốc Sở Y tế chia các khối thi đua các Bệnh viện, Trung tâm Y tế thuộc Sở Y tế, các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở; quản lý, hướng dẫn tiêu chí thi đua cụ thể, theo dõi, chỉ đạo các Khối thi đua.

4. Giao Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh Kiên Giang phối hợp Ban TĐKT (Sở Nội vụ) chia các khối thi đua Quỹ tín dụng nhân dân, Hợp tác xã, các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Liên minh; quản lý, hướng dẫn tiêu chí thi đua cụ thể, theo dõi, chỉ đạo các Khối thi đua theo quy định của UBND tỉnh.

5. Giao Thủ trưởng cơ quan quy định ở Điều 2.2 Khoản 2 Điều 13 chia khối thi đua các phòng, ban và tương đương trực thuộc; quản lý, hướng dẫn tiêu chí thi đua cụ thể, theo dõi, chỉ đạo các Khối thi đua theo quy định của UBND tỉnh.


## **Chương VI** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

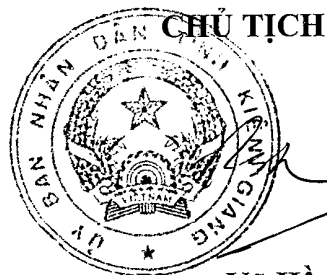
**Điều 15.** Hàng năm Hội đồng TĐKT tỉnh hướng dẫn; tổ chức triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của Trung ương và tỉnh về công tác TĐKT đến tất cả các cấp, các ngành. Phân công cụ thể các thành viên Hội đồng thường xuyên theo dõi, giám sát và đôn đốc các Cụm, Khối tổ chức tốt phong trào thi đua đạt hiệu quả, nhằm hoàn thành các nội dung, chỉ tiêu thi đua đã được đăng ký và nhiệm vụ chính trị được giao.

**Điều 16.** Thủ trưởng các cơ quan, địa phương, đơn vị tham gia Cụm, Khối thi đua của tỉnh có trách nhiệm triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện đúng các quy định về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua và chia Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh, đồng thời đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước tại cơ quan, địa phương, đơn vị mình với nội dung và tiêu chí thi đua cụ thể, thiết thực, góp phần nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước của tỉnh, làm động lực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

**Điều 17.** Đối với Cụm, Khối thi đua UBND tỉnh đã ủy quyền quản lý, hướng dẫn có trách nhiệm tổ chức phát động và thực hiện các phong trào thi đua, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết và bình chọn các đơn vị xuất sắc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng theo quy định.

**Điều 18.** Sở Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng) hàng năm tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Hội đồng TĐKT tỉnh các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện các phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng, cũng như các hoạt động của Cụm, Khối thi đua nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được giao.

Trên đây là Quy định về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua và chia Cúp, Khối thi đua của tỉnh, trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các Cúp, Khối thi đua gửi văn bản về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Nội vụ) để được hướng dẫn giải quyết hoặc tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. 



**Phạm Vũ Hồng**



**DANH SÁCH CHIA CỤM, KHỐI THI ĐUA THUỘC TỈNH**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 489/QĐ-UBND, ngày 07/3/2017  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

**I. CỤM THI ĐUA:**

**1. Cụm thi đua các huyện, thị xã, thành phố:**

a) Cụm 1. Có 05 đơn vị:

- Huyện An Biên;
- Huyện An Minh;
- Huyện Gò Quao;
- Huyện U Minh Thượng;
- Huyện Vĩnh Thuận.

b) Cụm 2. Có 05 đơn vị:

- Huyện Châu Thành;
- Huyện Giồng Riềng;
- Huyện Hòn Đất;
- Huyện Tân Hiệp;
- Thành phố Rạch Giá.

c) Cụm 3. Có 05 đơn vị:

- Huyện Giang Thành;
- Thị xã Hà Tiên;
- Huyện Kiên Hải;
- Huyện Kiên Lương;
- Huyện Phú Quốc.

**2. Cụm thi đua các xã, phường, thị trấn**

a) Cụm 1. Có 09 xã, thị trấn thuộc huyện An Biên.

b) Cụm 2. Có 11 xã, thị trấn thuộc huyện An Minh.

c) Cụm 3. Có 10 xã, thị trấn thuộc huyện Châu Thành.

d) Cụm 4. Có 11 xã, thị trấn thuộc huyện Gò Quao.

- d) Cụm 5. Có 10 xã, thị trấn thuộc huyện Giồng Riềng.
- e) Cụm 6. Có 09 xã, thị trấn thuộc huyện Giồng Riềng.
- f) Cụm 7. Có 05 xã thuộc huyện Giang Thành.
- g) Cụm 8. Có 07 xã, thị trấn thuộc huyện Hòn Đất.
- h) Cụm 9. Có 07 xã, thị trấn thuộc huyện Hòn Đất.
- i) Cụm 10. Có 07 phường, xã thuộc thị xã Hà Tiên.
- j) Cụm 11. Có 04 xã thuộc huyện Kiên Hải.
- k) Cụm 12. Có 08 xã, thị trấn thuộc huyện Kiên Lương.
- l) Cụm 13. Có 10 xã, thị trấn thuộc huyện Phú Quốc.
- m) Cụm 14. Có 12 phường, xã thuộc thành phố Rạch Giá.
- n) Cụm 15. Có 11 xã, thị trấn thuộc huyện Tân Hiệp.
- o) Cụm 16. Có 06 xã thuộc huyện U Minh Thượng.
- p) Cụm 17. Có 08 xã, thị trấn thuộc huyện Vĩnh Thuận.

## **II. KHỐI THI ĐUA**

### **1. Khối thi đua các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh**

- a) Khối 1 (Các cơ quan nội chính). Có 06 đơn vị
  - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
  - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
  - Công an tỉnh;
  - Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
  - Tòa án nhân dân tỉnh.
  - Thanh tra tỉnh;
- b) Khối 2 (Các cơ quan tham mưu tổng hợp). Có 08 đơn vị
  - Sở Kế hoạch và Đầu tư;
  - Sở Nội vụ;
  - Sở Tư pháp
  - Sở Ngoại vụ;
  - Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, đơn vị tỉnh Kiên Giang;
- Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới.

c) Khối 3 (Các sở, ngành quản lý Nhà nước và tham mưu về kinh tế, kỹ thuật). Có 07 đơn vị:

- Sở Xây dựng;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Công Thương;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Sở Thông tin và Truyền thông.
- Sở Tài chính.

d) Khối 4 (Các sở quản lý, tham mưu về văn hóa - xã hội). Có 07 đơn vị:

- Sở Văn hóa và Thể thao;
- Sở Y tế;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Du lịch;
- Ban Dân tộc tỉnh.

đ) Khối 5 (Các ban Đảng Tỉnh ủy). Có 06 đơn vị:

- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy.

e) Khối 6 (Các Đảng ủy khối và cơ quan thuộc Tỉnh ủy). Có 04 đơn vị





- Trường Chính trị;
- Báo Kiên Giang;
- Đảng ủy Khối các Cơ quan tỉnh;
- Đảng ủy Khối Doanh nghiệp.

f) Khối 7 (Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội). Có 07 đơn vị

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- Tỉnh Đoàn Kiên Giang;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Hội Cựu chiến binh tỉnh;
- Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh;

g) Khối 8 (các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp). Có 7 đơn vị

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Hội Chữ thập đỏ tỉnh;
- Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh;
- Hội Nhà báo tỉnh;
- Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh;
- Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật.

h) Khối 9 (các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp). Có 7 đơn vị:

- Hội Đông y tỉnh;
- Hội Làm vườn tỉnh.
- Hội Người cao tuổi tỉnh;
- Hội Khuyến học tỉnh;
- Hội Nạn nhân chất độc da cam tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Kiên Giang;
- Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh.



i) Khối 10 (Các trường Cao đẳng, Đại học). Có 06 đơn vị:

- Trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh;
- Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh;
- Trường Cao đẳng Y tế tỉnh;
- Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh;
- Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang;
- Trường Đại học Kiên Giang.

j) Khối 11 (Các Ban Quản lý và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh). Có 6 đơn vị:

- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang;
- Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc;
- Vườn Quốc gia U Minh Thượng;
- Vườn Quốc gia Phú Quốc;
- Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Kiên Giang;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Kiên Giang.

## **2. Khối thi đua các doanh nghiệp thuộc tỉnh**

a) Khối 12 (doanh nghiệp nhà nước). Có 6 đơn vị:

- Công ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kiên Giang;
- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết;
- Công ty TNHH Hai thành viên Nông lâm nghiệp Kiên Giang;
- Công ty TNHH MTV Thương mại - Du lịch Phương Nam;
- Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang;
- Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang.

b) Khối 13 (doanh nghiệp nhà nước thuộc hệ thống dọc). Có 07 đơn vị:

- Viễn thông Kiên Giang;
- Bưu điện Kiên Giang;
- Điện lực Kiên Giang;
- Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang;



- Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Bưu điện Kiên Giang;
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nhà Kiên Giang;
- Viettel Chi nhánh Kiên Giang.

c) Khối 14, có 10 đơn vị:

- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, Chi nhánh tỉnh Kiên Giang;
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương, Chi nhánh tỉnh Kiên Giang;
- Ngân hàng Hợp tác Chi nhánh tỉnh Kiên Giang;
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh tỉnh Kiên Giang;
- Ngân hàng TMCP Công Thương, Chi nhánh tỉnh Kiên Giang.
- Ngân hàng Phát triển, Chi nhánh tỉnh Kiên Giang;
- Ngân hàng Chính sách xã hội, Chi nhánh tỉnh Kiên Giang;
- Ngân hàng TMCP Kiên Long, Chi nhánh Rạch Giá;
- Ngân hàng TMCP Sacombank, Chi nhánh Kiên Giang;
- Quỹ Đầu tư - Phát triển Kiên Giang.

d) Khối 15, có 08 đơn vị:

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh Phú Quốc;
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, Chi nhánh Phú Quốc;
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương, Chi nhánh Phú Quốc;
- Ngân hàng TMCP Công Thương, Chi nhánh Phú Quốc.
- Ngân hàng TMCP Sacombank, Chi nhánh Phú Quốc;
- Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam, Chi nhánh Phú Quốc;
- Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Phú Quốc;
- Ngân hàng TMCP Kiên Long, Chi nhánh Phú Quốc.

đ) Khối 16, có 11 đơn vị:

- Công ty Cổ phần Bao bì Kiên Giang;
- Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Kiên Giang;
- Công ty Bảo Việt Kiên Giang;

- Công ty Bảo Minh Kiên Giang;
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang;
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Kiên Giang;
- Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Kiên Giang;
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên;
- Công ty Cổ phần Gạch ngói Kiên Giang;
- Công ty Cổ phần Phú Cường Kiên Giang;
- Công ty TNHH Xây dựng Trường Phát.

e) Khối thi đua 17 (Các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh).

Có 10 đơn vị:

- Hải quan Kiên Giang;
- Cảng vụ Kiên Giang;
- Cục Thi hành án dân sự;
- Cục Thống kê;
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Kiên Giang;
- Cục Thuế Kiên Giang;
- Kho bạc Nhà nước, Chi nhánh Kiên Giang;
- Bảo hiểm Xã hội Kiên Giang;
- Cảng Hàng không Rạch Giá;
- Cảng Hàng không Phú Quốc.

g) Khối 18. Có 07 đơn vị:

- Công ty TNHH Kiên Giang Composite;
- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Tâm Sinh Nghĩa;
- Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Kiên Giang;
- Công ty Cổ phần Bất động sản Kiên Giang.
- Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Kiên Giang;
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Nông sản Kiên Giang;
- Công ty Cổ phần Nhật Tảo.

h) Khối 19, có 12 đơn vị

- Công ty Cổ phần Sài Gòn - Phú Quốc;
- Công ty TNHH Vinpearl Resort Phú Quốc;
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Quốc (CEO);
- Công ty Cổ phần Hoà Giang Phú Quốc (Hoà Bình);
- Công ty Cổ phần Du lịch Phú Quốc (Hương Biển);
- Công ty TNHH Phương Anh Đức (Famiana);
- Công ty TNHH An Cường (Salin da);
- Công ty Liên doanh TNHH KDL Veranda;
- Công ty TNHH Phú Quốc Trần Thái (The SheII);
- Công ty TNHH MTV Miramar (Chensea);
- Khách sạn nghỉ dưỡng Cửu Long;
- Công ty TNHH Đức Việt;

i) Khối 20. Có 6 đơn vị

- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Kiên Giang;
- Công ty Cổ phần TBS Kiên Giang;
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang;
- Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Thạnh Lộc Kiên Giang;
- Công ty TNHH MTV Thông Thuận Kiên Giang;
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật liệu xây dựng.

k) Khối 21. Có 10 đơn vị:

- Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền;
- Công ty Cổ phần Thủy sản Tác Cậu;
- Công ty Cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang;
- Công ty Cổ phần Thủy sản Kiên Giang;
- Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản XNK Kiên Cường;
- Công ty TNHH Huy Nam;
- Công ty TNHH Thủy sản Aoki;

- Công ty TNHH Hoà Hiệp;
- Công ty TNHH Kiên Hùng;
- Công ty Cổ phần Thuỷ sản NT.

1) Khối 22. Có 07 đơn vị.

- Công ty Cổ phần Tàu Cao tốc Superdong;
- Công ty TNHH Thiên Thanh;
- Chi nhánh Công ty CP dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất Phú Quốc;
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bình Lệ Xuân, Chi nhánh Phú Quốc;
- Công ty TNHH Kim Hoa;
- Công ty CP Du lịch sinh thái EoXoài (Mango bay);
- Công ty TNHH Tàu cao tốc Ngọc Thành.

**3. Khối thi đua các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; cơ quan hành chính, tư pháp thuộc ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn (do thủ trưởng các cơ quan chia khối thi đua theo quy định).**

**4. Khối thi đua các Quỹ tín dụng và Hợp tác xã (do Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh chia khối thi đua theo quy định).**

**5. Khối thi đua các phòng, ban, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, thuộc huyện, thị xã, thành phố (do Chủ tịch UBND cấp huyện chia khối thi đua theo quy định).**

**6. Khối thi đua các trường THPT, Dân tộc nội trú và Trung tâm Giáo dục thường xuyên (do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chia khối thi đua theo quy định).**

**7. Khối thi đua các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (do Chủ tịch UBND cấp huyện chia khối thi đua theo quy định).**

**8. Khối thi đua các bệnh viện, Trung tâm Y tế thuộc Sở Y tế (do Giám đốc Sở Y tế chia khối thi đua theo quy định)./.**

